

MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ HẠ TẦNG KH & CN PHỤC VỤ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Nguyễn Thị Anh Thu

I. Đặt vấn đề:

Vùng Đông Nam Bộ (ĐNB) được đánh giá là vùng kinh tế năng động nhất, có lợi thế so sánh hơn nhiều vùng khác trong cả nước, đồng thời sớm được Chính phủ quan tâm đưa ra chủ trương phát triển khu công nghiệp và kết cấu hạ tầng. Do đó, vùng có điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển hơn hẳn các vùng khác. Vùng có hệ thống kết cấu hạ tầng khá đồng bộ, tập trung các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm y tế, nguồn nhân lực dồi dào và có kỹ năng khá nhất, là địa điểm có môi trường đầu tư hấp dẫn nổi trội. Trình độ công nghệ của các sản phẩm hàng hoá chủ yếu đã có bước cải thiện: giá trị các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ có chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và giá trị sản phẩm hàng hoá, dịch vụ công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất tăng lên trong những năm gần đây¹.

Tuy nhiên, theo đánh giá của lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng, công nghệ sản xuất trong Vùng chưa được hiện đại hóa, chi phí cao, hiệu quả thấp. Nếu không nâng cao sức cạnh tranh, phấn đấu giảm chi phí bằng các biện pháp ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch... để thúc đẩy sản xuất phát triển vượt trội thì hệ quả là sẽ làm cho nền kinh tế của cả nước phát triển chậm lại và không bền vững². Do đó vấn đề đổi mới công nghệ là một nhu cầu bức xúc đối với phát triển của Vùng. Theo đó, vấn đề phát triển nguồn nhân lực KH&CN³ và hạ tầng KH&CN⁴ phục vụ đổi mới công nghệ là nhân tố hết sức quan trọng. Để thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ không thể chỉ dựa vào nguồn lực của Nhà nước mà rất cần sự tham gia và đầu tư tích cực của các thành phần kinh tế (gọi chung là doanh nghiệp). Chính vì vậy, cần có các cơ chế, chính sách hợp lý và thoả đáng khuyến khích các doanh nghiệp phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN phục vụ cho đổi mới công nghệ của chính doanh nghiệp.

¹ Cụ thể: từ 30% năm 2000 lên 50 % năm 2005 và từ 10% năm 2000 lên 20% năm 2005 (từ 2,4 tỷ USD lên 5,0 tỷ USD). Nguồn: Bộ khoa học và Công nghệ. Đề tài "Nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển KH&CN tại các vùng trọng điểm". CN TS. Nguyễn Sơn Lộ. H., 5-2007. tr. 49.

² Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 183/TB-VPCP ngày 14/11/2003 về kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Hội nghị phát triển kinh tế-xã hội Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2010.

³ Nguồn nhân lực KH&CN, theo Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OECD), là đội ngũ gồm những người đã được đào tạo có bằng cấp hoặc đảm nhiệm vị trí công việc đòi hỏi có bằng cấp. Theo đó, nguồn nhân lực KH&CN ở nước ta là đội ngũ những người có bằng chuyên môn, tay nghề tương đương từ bậc 3 trở lên, hoặc đảm nhiệm công việc đòi hỏi trình độ tay nghề, chuyên môn từ bậc 3 trở lên.

⁴ Hạ tầng KH&CN phục vụ đổi mới công nghệ ở đây đề cập đến hai bộ phận quan trọng đó là tổ chức nghiên cứu và phát triển và tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ

1. Yêu cầu đổi mới công nghệ trong Vùng và vấn đề từ phía nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN:

Đổi mới công nghệ là một yêu cầu tất yếu của các doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay. Nếu không sớm đổi mới sẽ không nâng cao tính cạnh tranh và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng cũng như phát huy vai trò vùng động lực. Hiện nay, trình độ công nghệ một số ngành ở Tp.Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương đạt trình độ khá và tiên tiến, còn lại, được đánh giá là trung bình trở xuống⁵. Ngay tại TP Hồ Chí Minh, chỉ có 15-20% doanh nghiệp có công nghệ thích hợp, sản phẩm đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước, trong khi đó có khoảng trên 40% doanh nghiệp có thiết bị lạc hậu, công nghệ thấp, thâm dụng lao động và nguyên, nhiên vật liệu, nhưng sản phẩm làm ra lại có nhu cầu trên thị trường; khoảng 40 - 45% doanh nghiệp còn tận dụng thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, không phù hợp nhu cầu thị trường, cần phải di dời hoặc giải thể⁶.

Đổi mới công nghệ là một nhu cầu cấp thiết nhằm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Nếu cứ tiếp tục lắp ráp gia công như hiện nay, giá trị gia tăng của sản phẩm chỉ khoảng 10-15%⁷.

Các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc,...rất quan tâm đến đổi mới công nghệ. Chính phủ các nước này đã và đang đưa ra các chính sách khuyến khích đổi mới trong doanh nghiệp. Thái Lan đã có khoản đầu tư đặc biệt nhằm thúc đẩy "khả năng, công nghệ và đổi mới". Các công ty mới thành lập có thể được hưởng thêm từ 1 đến 2 năm ưu đãi về thuế nếu trong 3 năm hoạt động đầu tiên đầu tư ít nhất từ 1% đến 2% doanh số vào việc nghiên cứu và phát triển hoặc thiết kế, tuyển dụng ít nhất 5% lực lượng nhân công là các nhà khoa học hay các kỹ sư có bằng cử nhân trở lên, đầu tư ít nhất 1% tổng quỹ lương vào việc đào tạo nhân sự⁸. Những điểm này chính là phục vụ đổi mới trong doanh nghiệp.

Hiện nay, một số ít các doanh nghiệp lớn TP Hồ Chí Minh và các tỉnh cũng đã có các tổ chức nghiên cứu và phát triển tiến hành nghiên cứu và triển khai công nghệ cho doanh nghiệp trong Vùng, còn lại đa phần các công nghệ mới, công nghệ cải tiến đang được chuyển giao từ công ty mẹ, hoặc mua ở nước ngoài. Các tỉnh, thành phố trong Vùng đang đưa ra các chương trình nghiên cứu công nghệ phục vụ doanh nghiệp, kêu gọi các nhà nghiên cứu, các cán bộ kỹ thuật trên khắp cả nước tham gia. Tuy nhiên, nguồn lực có hạn, khả năng đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp vẫn còn rất hạn chế.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực trong phát triển nguồn nhân lực KH&CN trong Vùng (số trường đào tạo, số lượng tuyển sinh hàng năm tăng lên, đã có những cải tiến trong đào tạo như đào tạo theo module, đổi mới cách thức đào tạo ở một số cơ sở điểm,...), song hiện nay nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN là hai yếu tố trong các yếu tố hạn chế đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

⁵ Xem: Bộ khoa học và Công nghệ. Đề tài "Nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển KH&CN tại các vùng trọng điểm". CN TS. Nguyễn Sơn Lộ. H., 5-2007. tr.57.

⁶ Nguồn: đd, tr. 57, 58.

⁷ Bùi Quang Độ, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty điện tử - tin học Việt Nam VNECONOMY cập nhật: 09/07/2004.

⁸ Xem. tuoitreonline ngày 14/04/2005.

Nguồn nhân lực KH&CN trong Vùng, cũng giống như cả nước, tính cạnh tranh thấp, nhất là các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước. Đây cũng là một lý do nhiều nhà đầu tư đến các tỉnh này tìm hiểu cơ hội đầu tư không lưu lại mà chuyển hướng đầu tư sang tỉnh khác và sẽ là nguy cơ giảm cơ hội thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài trong tương lai nếu không chú ý đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH&CN.

Kết quả đánh giá năng lực công nghệ của Đồng Nai, một trong số tỉnh được coi là đi tiên phong trong phát triển nguồn nhân lực (có tỷ lệ nhân lực được đào tạo là 32% năm 2005, cao hơn một số tỉnh khác trong Vùng), cho thấy, xét theo thành phần công nghệ thì thành phần kỹ thuật và thông tin đạt trình độ khá, thành phần tổ chức đạt trình độ trung bình và thành phần nhân lực còn ở mức thấp (trình độ kỹ thuật đạt 0,8022 điểm, thông tin đạt 0,7459 điểm, yếu tố tổ chức đạt 0,7282 điểm, trong khi đó nhân lực chỉ đạt 0,5331 điểm).

2. Các đề xuất kiến nghị về cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN phục vụ đổi mới công nghệ:

Kiến nghị 1. Áp dụng cơ chế tạo nguồn kinh phí để đào tạo nguồn nhân lực KH&CN, như:

- Nhà nước cần đưa ra chính sách yêu cầu các doanh nghiệp có nghĩa vụ đào tạo nhân lực KH&CN. Nghĩa là áp dụng mức trích nộp trên quỹ lương để đào tạo nhân lực (tỷ lệ áp dụng tối thiểu là 1% và tối đa là 4%).
- Các doanh nghiệp có đầu tư phát triển nguồn nhân lực KH&CN của doanh nghiệp được miễn/giảm khoản trích nộp, tùy theo mức doanh nghiệp đóng góp vào phát triển nhân lực so với mức trích nộp

Kiến nghị 2. Có chính sách ưu đãi doanh nghiệp trong Vùng (không kể thuộc loại thành phần nào) lập hoặc nâng cấp cơ sở đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật tương đương bậc 3 trở lên lên, thông qua:

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như: Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị mới cho đào tạo (30 - 50%); các địa phương miễn các loại phí và lệ phí liên quan đến thủ tục đầu tư và xây dựng trường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng;
- Khuyến khích về thuế như: khấu trừ theo bội số khoản chi phí cho thành lập hoặc nâng cấp trường để đào tạo nghề đào tạo nghề (gồm chi thường xuyên, khấu hao tài sản và các chi khác theo quy định) khi tính thuế thu nhập đối với doanh nghiệp (từ 1,5 - 2 lần); áp dụng ưu đãi cao nhất trong phạm vi quy định của pháp luật về thuế đất; cơ sở đào tạo do doanh nghiệp lập ra được đăng ký hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp hoặc sự nghiệp có thu và được ưu đãi về thuế ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật;
- Ưu đãi về tín dụng: có các tổ chức và địa chỉ cụ thể để cung cấp tín dụng ưu đãi (Quỹ hỗ trợ dạy nghề, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ bộ/ngành, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ, tổ chức tín dụng khác);
- Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao hơn: được phép chủ động cải tiến (tối đa đến 1/3) chương trình khung do Bộ LĐTB và XH hoặc Bộ GD&ĐT đã xét duyệt;

được chủ động đưa ra mức học phí trên cơ sở chi phí thực theo giá thị trường và được thị trường chấp nhận.

Kiến nghị 3. Có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp tham gia hợp tác đào tạo nhân lực KH&CN, thông qua:

- Khuyến khích về thuế như: khấu trừ theo bội số khoản chi phí cho cử người đi đào tạo khi tính thuế thu nhập đối với doanh nghiệp (từ 1,5 – 2 lần);
- Tôn vinh cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực (được tính thâm niên giảng dạy, được ghi danh vào sổ truyền thống của cơ sở đào tạo,...);
- Quy định cơ chế sử dụng sinh viên trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp (quyền sử dụng thời gian thực tập của sinh viên phục vụ cho công việc chuyên môn của doanh nghiệp và thù lao trả cho sinh viên được tính chi phí hợp lý).

Kiến nghị 4. Có chính sách ưu đãi doanh nghiệp đầu tư xây dựng ký túc xá, khu văn hóa cho nhân lực KH&CN, như:

- Ưu đãi trong thuê đất sử dụng cho việc xây dựng ký túc xá và khu văn hóa;
- Khấu trừ chi phí xây dựng ký túc xá để tính thuế thu nhập doanh nghiệp (đối với trường hợp không kinh doanh).

Kiến nghị 5. Có chính sách ưu đãi doanh nghiệp trong Vùng (không kể thuộc loại thành phần nào) lập hoặc nâng cấp cơ sở nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ, thông qua:

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như: Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị mới cho nghiên cứu và phát triển (30 - 50%); các địa phương hỗ trợ về cấp đất hoặc cho thuê đất và giải phóng mặt bằng;
- Khuyến khích về thuế như: khấu trừ theo bội số khoản chi phí cho thành lập hoặc nâng cấp cơ sở nghiên cứu và phát triển khi tính thuế thu nhập đối với doanh nghiệp (từ 1,5 – 2 lần); áp dụng thuế thu nhập cá nhân cao đối với cá nhân thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ cho doanh nghiệp như trường hợp áp dụng cho khu công nghệ cao (bằng mức thuế đối với người nước ngoài).
- Ưu đãi về tín dụng: có các tổ chức và địa chỉ cụ thể để cung cấp tín dụng ưu đãi (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ bộ/ngành, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ, tổ chức tín dụng khác).

Kiến nghị 6. Tăng cường vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương trong Vùng đối với doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng KH&CN phục vụ đổi mới công nghệ.

- Tăng cường hoạt động truyền thông cho doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực KH&CN và hoạt động nghiên cứu và phát triển đối với sự sống còn của doanh nghiệp điều kiện cạnh tranh hiện nay và tương lai; về vai trò của doanh nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực KH&CN và hoạt động nghiên cứu và phát triển;

- Chủ động tạo quỹ đất và kêu gọi các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu (trung tâm) đào tạo, nghiên cứu để các doanh nghiệp thuê dài hạn làm cơ sở đào tạo hoặc nghiên cứu và phát triển và dịch vụ chuyên giao công nghệ;
 - Xây dựng và ban hành các quy định về quy trình, thủ tục giao đất, thời hạn giao đất, chế tài thực hiện;
 - Tổ chức chính quyền các cấp trực thuộc phối hợp và hỗ trợ doanh nghiệp trong quản lý khu ký túc xá cho sinh viên;
 - Lập các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp.
-

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học và Công nghệ. Đề tài "Nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển KH&CN tại các vùng trọng điểm". CN TS. Nguyễn Sơn Lộ. H., 5-2007.
2. Thông báo của Văn phòng Chính phủ số 183/TB-VPCP ngày 14/11/2003 về kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải tại Hội nghị phát triển kinh tế-xã hội Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2010.
3. VNECONOMY cập nhật: 09/07/2004.
4. www.tuoitreonline.com ngày 14/04/2005.
5. www.laodong.com.vn, ngày 11/5/2007.